

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÀM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÀM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay
Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N - sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu C - sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố D, phường T, thành phố S, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu C kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng kết hôn tại UBND phường T, thành phố S vào năm 2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, đánh nhau. Nhiều lần anh đánh chị, chị phải yêu cầu công an đến giải quyết. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị tha thiết đề nghị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 04 con chung là Nguyễn Hữu M sinh năm 2000; Nguyễn Hữu Thanh sinh năm 2002; Nguyễn Hữu T sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 03/8/2015. Hiện 2 cháu M và Thanh đã thành niên, lựa chọn ở với ai là tùy các cháu. Hai cháu T và T1 chị đề nghị được trực tiếp nuôi

dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay cả chị và anh C đều là lao động tự do. Thu nhập trung bình mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đ, nếu được trực tiếp nuôi cả hai con chị cam kết đảm bảo có thể chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu học tập, phát triển bình thường. Nếu anh C có nguyện vọng nuôi cả hai con chị cũng đồng ý và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Hữu C trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Theo anh cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường. Đôi lúc vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Có lần cãi nhau anh đã lỡ đánh chị, chị đã báo công an, anh cũng đã lên công an giải quyết và có lời xin lỗi chị, tại phiên hòa giải anh cũng xin lỗi chị. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và giữa anh và chị N còn 4 người con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị N về số con chung và tên, tuổi của các con. Cháu M và Thanh đã thành niên. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn anh đề nghị giao hai cháu T và T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn nguyện vọng cũng như biên bản làm việc cháu T đề nghị nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với cả bố và mẹ; cháu T1 xin được ở cùng bố.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương cho biết: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có 4 người con chung như anh chị đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị địa phương không nắm rõ. Chị N xin ly hôn quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải đề vợ chồng đoàn tụ, nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Bị đơn vắng mặt, Nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ ý kiến như trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh C; giao cả hai cháu T và T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hữu C cùng cư trú trên địa bàn TP. Sầm Sơn. Chị N có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị N kết hôn với anh C trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 2000 và ĐKKH tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng có xảy ra xô xát, đánh nhau là thực tế. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng anh C lại cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không đáng kể. Tòa án đã tiến hành hòa giải lần 1 để anh chị có thể đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên hòa giải lần 2 anh C vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị N cương quyết xin ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa chị N đối với anh C không còn, hiện nay chị N đã ra ở riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, đời sống chung vợ chồng anh chị không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh C.

[2.2] *Về con chung*: Chị N và anh C có 04 con chung là Nguyễn Hữu M sinh năm 2000; Nguyễn Hữu Thanh sinh năm 2002; Nguyễn Hữu T sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 03/8/2015. Hiện 2 cháu M và Thanh đã thành niên. Hai cháu T và T1 chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh C cũng thống nhất với điều này. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu T xin được ở với cả bố và mẹ; cháu T1 xin được ở với bố. Thực tế hiện nay cả hai cháu T và T1 đều đang ở cùng bố. Xét thấy hiện nay cả hai anh chị đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Trên cơ sở nguyện vọng của các con, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu khi bố mẹ ly hôn cũng đảm bảo phù hợp với nguyện vọng của mỗi cháu, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình cần giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu C

Về con chung: Chị N và anh C có 04 con chung là Nguyễn Hữu M sinh năm 2000; Nguyễn Hữu Thanh sinh năm 2002; Nguyễn Hữu T sinh ngày 27/11/2011 và Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 03/8/2015. Hai cháu M và Thanh đã thành niên. Giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0013611 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà